

Số: 18 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH R-PAC Việt Nam ngày 19 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 259/TTr-CCBVMT ngày 02 tháng 02 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH R-PAC Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại 189B7 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Chi nhánh 6 - Công ty TNHH Tem nhãn và Bao bì R-PAC Việt Nam địa chỉ tại Xưởng F5.2, 3, 4, 5, 6 lô A4, đường NA1 và Xưởng F4.1, 2, đường DA1, Khu công nghiệp Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Chi nhánh 6 - Công ty TNHH Tem nhãn và Bao bì R-PAC Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xưởng F5.2, 3, 4, 5, 6 lô A4, đường NA1 và Xưởng F4.1, 2, đường DA1, Khu công nghiệp Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0308215287 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 2 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng hoạt động chi nhánh số 0308215287-008 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09 tháng 5 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 01 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6505258783 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 19 tháng 4 năm 2022, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 9 năm 2023

1.4. Mã số thuế: 0308215287-008

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công sản xuất giấy kẹp, hộp/thùng các loại; Sản xuất bao bì bằng bìa cứng, các bao bì bằng giấy và bìa

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích Dự án 17.010 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Xưởng F5.3,4,5,6 lô A4: 8.521,6 m<sup>2</sup>;

+ Xưởng F5.2 lô A4: 2.134,4m<sup>2</sup>;

+ Xưởng F4.1,2 lô A4: 6.354m<sup>2</sup>.

1.6.2. Quy mô:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.6.3. Công suất:

- Công suất sản xuất:

+ Sản xuất, gia công sản xuất giấy kẹp, hộp/thùng các loại: 120.000.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất bao bì bằng bìa cứng, các bao bì bằng giấy và bìa 35.000.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sản xuất bao bì bằng bìa cứng, các bao bì khác bằng giấy và bìa (*sử dụng công nghệ in offset*): Nguyên liệu (*giấy tẩm*) => Chuẩn bị mực => In nhãn (*in offset*) => Phủ bề mặt, bồi => Dán chíp mã hóa => Cắt, gập, bế định hình => Mã hóa => Bao bì thành phẩm => Kiểm tra và đóng gói => Nhập kho (*Nếu sản phẩm không yêu cầu mã hóa sẽ không có công đoạn “Dán chíp mã hóa” và “Mã hóa”*).

X.H.  
SỞ  
VĨ NG  
VÀ  
ĐI TR  
BÌNH



+ Sản xuất bao bì bằng bìa cứng, các bao bì khác bằng giấy và bìa (*sử dụng công nghệ in flexo*): Nguyên liệu (*giấy cuộn*) => Chuẩn bị mực => In nhãn (*in flexo*) => Cắt, chia cuộn => Bao bì thành phẩm => Kiểm tra và đóng gói => Nhập kho.

+ Sản xuất bao bì bằng bìa cứng, các bao bì khác bằng giấy và bìa (*sử dụng công nghệ in Digital*): Nguyên liệu (*giấy tấm*) => Chuẩn bị mực, file in trên máy tính kết nối máy in => In nhãn (*in tự động Digital*) => Phủ bề mặt, bồi => Cắt, gấp, bế định hình => Kiểm tra và đóng gói => Nhập kho.

+ Sản xuất giấy kẹp, hộp/thùng các loại:

Nguyên liệu 1 (*giấy tấm trắng*) + Bản in (*Bản kẽm* => *Chế bản* => *Vệ sinh bản kẽm* => *Bản in*) => Chuẩn bị mực và in => Phủ bề mặt => Bán thành phẩm 1

Nguyên liệu 2 (*giấy cuộn carton*) => Dờ cuộn => Tạo sóng => Giấy tấm => Bán thành phẩm 2.

Bán thành phẩm 1 + Bán thành phẩm 2 => Bồi giấy sóng => Bế định hình => Gấp dán hộp/đóng ghim => Kiểm tra và đóng pallet => Nhập kho thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH R-PAC Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH R-PAC Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ..06.. tháng ..01.. năm 2024 đến ngày ..05.. tháng ..01.. năm 2034).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Chi nhánh 6- Công ty TNHH Tem nhãn và Bao bì R-PAC Việt Nam tại Xưởng F5. 2, 3, 4, 5, 6 lô A4, đường NA1 và Xưởng F4.1, 2, đường DA1, khu công nghiệp Thới Hòa, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH R-PAC Việt Nam theo quy định của pháp luật./..

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH R-PAC Việt Nam;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương;
- Sở Xây dựng;
- UBND Thị xã Bến Cát;
- UBND phường Thới Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, M.Trung6.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**



**Phụ lục 1****YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ và nước thải sản xuất sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thới Hòa để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh với lưu lượng khoảng 32 m<sup>3</sup>/ngày.đêm qua bể tự hoại (07 bể với tổng thể tích 49m<sup>3</sup>) => Đường ống BTCT D200mm, dài 2m => Hồ lắng (2,7m x 2,7m x 1,42m) => Đường ống BTCT D200mm, dài 4m => Cống BTCT D300mm, D400mm, D560mm => Mương bê tông (dài 2,5m, rộng 0,8m, sâu 0,8m) => Hồ ga NA1.L35 (1,2m x 1m x 1m) trên đường NA1 => Cống BTCT (0,7m x 1m x 1m), dài 700m trên đường NA1 => Công trình xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thới Hòa.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh quá trình từ vệ sinh máy rửa keo, rửa khay với lưu lượng khoảng 3,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm => Đường ống PVC D34mm, dài 30m => Công trình xử lý nước thải tập trung của Công ty.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ vệ sinh máy CTP với lưu lượng khoảng 4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm => Đường ống PVC D42mm, dài 15m => Công trình xử lý nước thải tập trung của Công ty.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh công trình xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng khoảng 0,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm => Đường ống kẽm D49mm, dài 15m => Công trình xử lý nước thải tập trung của Công ty.

Nước thải từ các nguồn số 02, 03 và 04 sau khi được xử lý tại công trình xử lý nước thải tập trung của Công ty sẽ được bơm theo ống uPVC DN32mm, dài 70m => Hồ ga NT24 (1,2m x 1m x 1m) => Cống BTCT D400mm, dài 170m => Cống BTCT D560mm, dài 180m => Cống BTCT D560mm, dài 16m => Cống BTCT D560mm, dài 40m => Mương Bê tông (dài 2,5m, rộng 0,8m, sâu 0,8m) => Hồ ga NA1.L35 (1,2m x 1m x 1m) trên đường NA1 => Cống BTCT (0,7m x 1m x 1m), dài 700m trên đường NA1 => Công trình xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thới Hòa.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**



- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất => Bể thu gom => Bể keo tụ, tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể điều hòa => Bể sinh học kỵ khí => Bể sinh học thiếu khí 1 => Bể sinh học màng => Bể sinh học thiếu khí 2 => Bể sinh học hiếu khí (giá thể di động) => Bể lắng sinh học => Hồ khử trùng => Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thới Hòa.

- Công suất thiết kế: 08 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, NaOH, PAC, Polymer.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thới Hòa thì Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Dừng hoạt động hoặc giảm công suất của Dự án để đảm bảo các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và giấy phép môi trường;

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.



- Khi công trình xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thới Hòa: Lắp đặt đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể thu gom, trong trường hợp bể thu gom không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (*bố trí máy dự phòng*) của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thới Hòa trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thới Hòa.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến ngày 03 tháng (từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 4 năm 2024).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (*tại Bể thu gom*), tọa độ:  $X(m) = 1225955.4$ ;  $Y(m) = 592984.3$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Mẫu đầu ra sau công trình xử lý nước thải (*sau Hồ khử trùng*), tọa độ:  $X(m) = 1225959.9$ ;  $Y(m) = 593008.9$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: Độ màu, pH, COD, BOD<sub>5</sub>, tổng Nitơ, tổng Photpho, Amoni.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Các thông số ô nhiễm phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thới Hòa.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)**

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại Bể thu gom và 03 mẫu nước thải đầu ra sau Hồ khử trùng trong 03 ngày liên tiếp*).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải sản xuất phát sinh của Công ty, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thới Hòa, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thới Hòa để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.



**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi (sử dụng nhiên liệu viên nén mùn cưa).
- Nguồn số 02: Bụi từ công đoạn rắc bột chống dính trong máy in 5 màu XL145.
- Nguồn số 03: Bụi từ công đoạn rắc bột chống dính trong máy in 5 màu XL75.
- Nguồn số 04: Bụi từ công đoạn rắc bột chống dính trong máy in 6 màu XL75.
- Nguồn số 05: Bụi từ công đoạn rắc bột chống dính trong máy in 6 màu XL106-6+L.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

-Vị trí 01 (Dòng thải số 01): Tại ống thải sau công trình xử lý khí thải từ lò hơi (nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải X (m) = 1225941.8; Y (m) = 592986.8.

-Vị trí 02 (Dòng thải số 02): Tại ống thải sau công trình xử lý bụi máy in (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải X (m) = 1226037.9; Y (m) = 593057.4.

-Vị trí 03 (Dòng thải số 03): Tại ống thải sau công trình xử lý bụi máy in (nguồn số 03, 04, 05). Tọa độ vị trí xả khí thải X (m) = 1226026.8 ; Y (m) = 593045.3.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>)

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục khi thiết bị hoạt động

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, K<sub>p</sub> = 0,9, K<sub>v</sub> = 1) cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				

1	Nhiệt độ	°C	-	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Lưu lượng	mg/Nm <sup>3</sup>	-		
3	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
6	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		
<b>II      Dòng khí thải số 02, 03</b>					
1	Lưu lượng	mg/Nm <sup>3</sup>	-	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về công trình xử lý:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi được thu gom bằng 01 quạt hút (công suất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ) qua các đường ống dẫn về công trình xử lý khí thải từ lò hơi.
- Nguồn số 02: Bụi từ Máy in 5 màu XL145 được thu gom bằng 02 quạt hút (công suất mỗi quạt 2.500 m<sup>3</sup>/ giờ) qua các đường ống dẫn về công trình xử lý bụi.
- Nguồn số 03: Bụi từ Máy in 5 màu XL75 được thu gom bằng 02 quạt hút (công suất mỗi quạt 2.500 m<sup>3</sup>/ giờ) qua các đường ống dẫn về công trình xử lý bụi.
- Nguồn số 04: Bụi từ Máy in 6 màu XL75 được thu gom bằng 02 quạt hút (công suất mỗi quạt 2.500 m<sup>3</sup>/giờ) qua các đường ống dẫn về công trình xử lý bụi.
- Nguồn số 05: Bụi từ Máy in 6 màu XL106-6+L được thu gom bằng 02 quạt hút (công suất mỗi quạt 2.500 m<sup>3</sup>/giờ) qua các đường ống dẫn về công trình xử lý bụi.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

##### **1.2.1. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi (nguồn số 01):**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi => Đường ống thép CT3 (1m x 1m x 0,5m) => Bộ hâm nước (1,23m x 0,6m x 1,4m) => Đường ống thép CT3 D500mm,



dài 2m => Cyclon ướt => Đường ống thép CT3 D500mm, dài 2m => Quạt hút => Ống phát thải (ống thép CT3 D450mm, chiều cao 14m tính từ mặt đất).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi có hoạt động sản xuất.
- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH khối lượng 68 kg/năm.

1.2.2. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải bụi từ máy in (nguồn số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi (bột rắc thừa) => Đường ống PVC D200mm, dài 3m => Ống lọc => Tấm chắn => Quạt hút => Ống phát thải bằng kẽm (0,5m x 0,7m, cao 7,8m tính từ sau quạt hút).

- Chế độ vận hành: Xả liên tục.
- Công suất thiết kế: 5.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải bụi từ máy in (nguồn số 03, 04 và 05):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi (bột rắc thừa) => Đường ống PVC D200mm, dài 3m => Ống lọc => Tấm chắn => Quạt hút => Ống phát thải (Ống 0,6m x 0,7m, cao 5m tính từ sau quạt hút).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi có hoạt động sản xuất.
- Công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, nếu khí thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Công ty phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành công trình xử lý khí thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ,... để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của lò hơi và công trình xử lý bụi, khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý bụi, khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý bụi, khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải





ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến ngày 03 tháng (từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 4 năm 2024)

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- Vị trí số 01: Tại ống thải số 01 (sau công trình xử lý khí thải từ lò hơi (nguồn số 01). Tọa độ: X (m) = 1225941.8; Y (m) = 592986.8.

- Vị trí số 02: Tại ống thải số 02 (sau công trình xử lý bụi máy in (nguồn số 02). Tọa độ: X (m) = 1226037.9; Y (m) = 593057.4.

- Vị trí số 03: Tại ống thải số 03 (sau công trình xử lý bụi máy in (nguồn số 03, 04, 05). Tọa độ: X (m) = 1226026.8 ; Y (m) = 593045.3.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** Theo nội dung Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần hoặc mẫu được lấy mẫu bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**3.1.** Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2.** Xây dựng điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**3.3.** Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày



10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý bụi, khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 02 năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực dây chuyền sản xuất bao bì bằng bìa cứng, các bao bì bằng giấy (máy cắt, máy gập, máy bế).
- Nguồn số 02: Khu vực dây chuyền sản xuất giấy, kệ/thùng các loại (máy xả tờ, máy tạo sóng, máy bế định hình).
- Nguồn số 03: Quạt hút của công trình xử lý khí thải từ lò hơi.
- Nguồn số 04: Khu vực công trình xử lý nước thải (máy bơm, máy thổi khí).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1226025.7; Y = 592971.7.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1226012.8; Y = 593003.9.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1225949.6; Y = 592994.0.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1225959.0; Y = 592998.2.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**



### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Kiểm tra và đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành, hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động phù hợp với từng vị trí làm việc cụ thể như: Giăng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động; cách ly những thiết bị phát ra độ rung lớn bằng những rãnh cách xung quanh móng máy.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	1.750	Rắn	08 02 01	KS
2	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải	48.672	Bùn	12 06 05	KS
3	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	30	Rắn	16 01 06	NH
4	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	3,12	Lỏng	16 01 10	KS
5	Pin, ắc quy thải	10	Rắn	16 01 12	NH
6	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	190	Rắn	16 01 13	NH
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	14	Lỏng	17 02 03	NH
8	Bao bì mềm thải đựng phụ gia sản xuất, hóa chất xử lý nước thải	12	Rắn	18 01 01	KS
9	Bao bì kim loại cứng thải chứa mực in, hóa chất, phụ gia, dầu máy	940	Rắn	18 01 02	KS
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa mực in, hóa chất, chất tẩy rửa nhà vệ sinh	610	Rắn	18 01 03	KS
11	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	1.245	Rắn	18 02 01	KS
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>53.476,12</b>			



**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bột rắc thu gom từ công trình xử lý bụi	01 01 04	96
2	Tro, xỉ từ lò hơi	04 02 06	585.936
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	72.504
4	Giấy và bao bì chứa nguyên liệu	18 01 05	300.000
5	Pallet hư hỏng	18 01 06	3.600
6	Túi nylon, dây buộc nguyên liệu	18 01 11	2.268
7	Sắt, nhôm, kẽm, kim loại ( <i>bảng in bằng kẽm và kim bấm thùng giấy...</i> )	-	6.000
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>970.304</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Khi Dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với khối lượng phát sinh khoảng 200 kg/ngày bao gồm: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn, ...*); chất thải thực phẩm từ nhà ăn (*rau quả, thực phẩm thừa, ...*) và chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Trang bị 03 thùng chứa loại 240 lít (*chứa mực in thải có chứa các thành phần nguy hại; bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại*) và 07 thùng chứa loại 120 lít (*chứa các loại còn lại*) có nắp đậy dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

- Bùn từ thải từ công trình xử lý nước thải được lưu chứa tại sân phơi bùn thể tích 6,48m<sup>3</sup>, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom: 03 tháng/lần.

**2.1.2. Kho lưu chứa:**

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 32,5m<sup>2</sup> (*bố trí tại nhà xưởng F4.1*).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa



khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa; ...*) theo quy định.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Trang bị 01 thùng 120 lít (*chứa bột rắc thu gom từ công trình xử lý bụi*) và 05 thùng loại 660 lít (*chứa các loại còn lại*) có nắp đậy, dán mã để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

### **2.2.2 Kho lưu chứa:**

- 01 kho lưu chứa chất thải rắn thông thường diện tích  $53m^2$  (*bố trí tại nhà xưởng F4.2*).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng chứa màu xanh loại 240 lít có nắp đậy chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa màu xám có nắp đậy loại 240 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu vàng có nắp đậy loại 120 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

### **2.3.2. Kho lưu chứa:**

- 01 kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích  $11,58m^2$  (*bố trí tại nhà xưởng F4.1*).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có kết cấu tường xây gạch, nền bê tông kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

## **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại**

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; các loại rác khác*), chất thải nguy hại, trang bị các bao bì, thùng chứa (*dán nhãn theo từng loại rác thải*) phù hợp để lưu giữ các loại chất thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33,



34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thị xã Bến Cát theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Thới Hòa nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 18 /GPMT-STNMT ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)



1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

4. Đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án (theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định), đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.

5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.